

Số: 545/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, năm 2025 nguồn ngân sách trung ương giao cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 33**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1411/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho một số địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (đợt 3);

Xét Tờ trình số 495/TTr-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 872/BC-DT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giao cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công trung hạn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh quản lý

1. Tổng vốn điều chỉnh: 471.748 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Thuận Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh quản lý: 285.567 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Sốp Cộp (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh quản lý: 186.181 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giao cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư năm 2025 cấp tỉnh quản lý

1. Tổng vốn điều chỉnh: 24.564 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Thuận Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 24.564 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

Điều 3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giao cấp huyện quản lý năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 vào kế hoạch đầu tư năm 2025 cấp tỉnh quản lý

1. Tổng vốn điều chỉnh: 28.219,419 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh:

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương giao huyện Thuận Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 25.826,147 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương giao huyện

Số Cộp (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 2.393,272 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

Điều 4. Phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

1. Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương bổ sung năm 2025 cho tỉnh Sơn La để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (được giao tại Quyết định số 1411/QĐ-TTg ngày 29/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ) là 22.753 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ:

2.1. Tổng số vốn phân bổ chi tiết: 21.117 triệu đồng, cụ thể:

- Phân bổ 19.159 triệu đồng thực hiện dự án Đường giao thông liên xã Long Hẹ - Phổng Lập thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 1.

- Phân bổ 1.958 triệu đồng thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Sơn La thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4.

2.2. Phân bổ chi tiết sau: 1.636 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 33, thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIÀM NGHÈO BỀN VỮNG CẤP HUYỆN QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 545/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao	Đã giao kế hoạch hàng năm đến thời điểm báo cáo			Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn giao năm 2025 gồm:		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch vốn giao năm 2025		
						Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện			Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025		Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ				527.307,875	490.241,735	23.854,000	471.748,000	452.429,048	28.219,419	24.564,000	471.748,000	28.219,419	24.564,000	
A	HUYỆN THUẬN CHÂU				306.778,702	290.865,562	2.701,000	285.567,000	266.248,048	25.826,147	24.564,000	285.567,000	25.826,147	24.564,000	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				306.568,702	290.655,562	2.701,000	285.357,000	266.038,048	25.616,147	24.564,000	285.357,000	25.616,147	24.564,000	
a	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				216.544,702	203.332,562	-	198.034,000	197.874,048	21.554,166	-	198.034,000	21.554,166	-	
(1)	Các Dự án hoàn thành quyết toán				102.815,702	95.400,702	-	91.363,523	91.363,523	-	-	91.363,523	-	-	
1	Đường vào bản Bay, bản Bon	Tổng Cọ	2022-2023	4980-20/9/2022	11.227,771	10.027,771		9.385,740	9.385,740			9.385,740			
2	Đường giao thông bản Ngà Phát	Chiềng Pha	2022-2023	4981-20/9/2022	3.100,000	2.850,000		2.620,000	2.620,000			2.620,000			
3	Đường giao thông bản Trọ Phàng	Chiềng Pha	2022-2023	4993-21/9/2022	2.100,000	1.965,000		1.855,000	1.855,000			1.855,000			
4	NSH bản Song	Chiềng La	2022-2023	5025-23/9/2022	3.400,000	3.300,000		3.264,557	3.264,557			3.264,557			
5	Đường vào bản Tình Lá	Pá Lông	2022-2023	4991-21/9/2022	10.044,000	9.894,000		9.602,227	9.602,227			9.602,227			
6	Đường vào bản Pú Chửn	Long Hẹ	2022-2024	5257-11/10/2022	14.990,000	12.990,000		12.743,124	12.743,124			12.743,124			
7	Đường tỉnh 116B vào bản Nhộc, Thông, Ô, Lạn	Mường Khiêng	2022-2024	5078-29/9/2022	21.183,000	18.103,000		16.686,047	16.686,047			16.686,047			
8	Đường vào bản Lọng Cu	Bó Mười	2022-2024	5066-28/9/2022	14.500,000	14.000,000		13.758,558	13.758,558			13.758,558			
9	NLH Trường TH Chiềng Pha	Chiềng Pha	2022-2023	5065-28/9/2022	6.800,000	6.800,000		6.647,000	6.647,000			6.647,000			
10	NSH khu trung tâm xã Mường Bám	Mường Bám	2023-2024	1674-12/4/2023	1.770,000	1.770,000		1.692,800	1.692,800			1.692,800			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao	Đã giao kế hoạch hàng năm đến thời điểm báo cáo			Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn giao năm 2025 gồm:		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn giao năm 2025		
						Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện			Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025		Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025	
11	NSH bản Mây, xã Chiềng Pắc	Chiềng Pắc	2023-2024	1676-12/4/2023	3.800,000	3.800,000		3.708,974	3.708,974			3.708,974			
12	NSH bản Lọng Mén, Dân Chủ, Chiềng Pắc	Chiềng Pắc	2023-2024	1652-11/4/2023	3.888,534	3.888,534		3.806,202	3.806,202			3.806,202			
13	Đường vào bản Phiêng Mat - Co Nghè B	Co Mạ	2023-2024	1659-11/4/2023	6.012,397	6.012,397		5.593,294	5.593,294			5.593,294			
(2)	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán					33.704,000	29.950,860	-	29.095,915	29.018,876	3.105,913	-	29.095,915	3.105,913	-
14	NSH bản Long Hẹ	Long Hẹ	2024-2025	6050 24/11/2023	3.200,000	3.200,000		3.008,538	3.008,538	35,588		3.008,538	35,588		
15	Nhà lớp học trường TH - THCS Ê Tông	Ê Tông	2024-2025	5620 17/11/2023	4.800,000	1.046,860		1.046,860	1.046,860			1.046,860			
16	Đường TT xã - Hà Khúa - Thẩm Sét, xã Co Tông	Co Tông	2023-2024	1728-13/4/2023	25.704,000	25.704,000		25.040,517	24.963,478	3.070,325		25.040,517	3.070,325		
(3)	Các Dự án chuyển tiếp					80.025,000	77.981,000	-	77.574,562	77.491,649	18.448,253	-	77.574,562	18.448,253	-
17	Dự án điện an toàn trên địa bàn huyện Thuận Châu giai đoạn 2021-2025	Mường Khiêng, Bò Mười, Pá Lông	2022-2025	5678- 04/11/2022	66.000,000	63.956,000		63.707,649	63.707,649	8.920,566		63.707,649	8.920,566		
18	Đường bản Ít Cang - Nà Tầm đến trung tâm xã Chiềng Bôm, huyện	Chiềng Bôm	2024-2025	4504 18/10/2024	12.175,000	12.175,000		12.100,000	12.100,000	7.842,832		12.100,000	7.842,832		
19	Nâng cấp, sửa chữa NSH bản Nong Ten, xã Nậm Lầu	Nậm Lầu	2024-2025	5192 09/12/2024	1.200,000	1.200,000		1.170,895	1.154,000	1.154,855		1.170,895	1.154,855		
20	NSH bản Muồng Mỏ xã Phổng Lập	Phổng Lập	2025	2079 06/5/2025	650,000	650,000		596,018	530,000	530,000		596,018	530,000		
b	Tiểu dự án 2. Đề án hỗ trợ 1 số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn				90.024,000	87.323,000	2.701,000	87.323,000	68.164,000	4.061,981	24.564,000	87.323,000	4.061,981	24.564,000	
(3)	Các Dự án chuyển tiếp					90.024,000	87.323,000	2.701,000	87.323,000	68.164,000	4.061,981	24.564,000	87.323,000	4.061,981	24.564,000
1	Đường liên xã Long Hẹ - Phổng Lập	Phổng Lập	2023-2025	99 18/01/2024	90.024,000	87.323,000	2.701,000	87.323,000	68.164,000	4.061,981	24.564,000	87.323,000	4.061,981	24.564,000	
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				210,000	210,000		210,000	210,000	210,000		210,000	210,000		
a	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững				210,000	210,000		210,000	210,000	210,000		210,000	210,000		
B	HUYỆN SÓP CỘP				220.529,173	199.376,173	21.153,000	186.181,000	186.181,000	2.393,272	-	186.181,000	2.393,272		-

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao	Đã giao kế hoạch hàng năm đến thời điểm báo cáo			Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn giao năm 2025 gồm:		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch vốn giao năm 2025		
						Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện			Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025		Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				220.451,173	199.298,173	21.153,000	186.103,000	186.103,000	2.391,742	-	186.103,000	2.391,742	-	
a	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				220.451,173	199.298,173	21.153,000	186.103,000	186.103,000	2.391,742	-	186.103,000	2.391,742	-	
(1)	Dự án hoàn thành quyết toán				195.172,778	174.019,778	21.153,000	164.571,350	164.571,350	847,207	-	164.571,350	847,207		
1	Nâng cấp tuyến đường từ xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp đến xã Đứa Môn, huyện Sông Mã	Xã Púng Bính	2022-2024	2701, 05/11/2021	24.950,000	3.797,000	21.153,000	3.797,000	3.797,000			3.797,000			
2	Đường giao thông từ bản Nà Ấn đi bản Huổi Pá, xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2022-2024	2023, 31/10/2022	14.950,000	14.950,000	-	14.285,301	14.285,301			14.285,301			
3	Cầu qua suối bản Phái xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2022-2024	1790, 26/9/2022	3.000,000	3.000,000	-	2.571,837	2.571,837			2.571,837			
4	Nâng cấp tuyến đường từ cầu cứng đi bản Huổi Niêng, xã Mường Và	Xã Mường Và	2022-2024	1933, 10/10/2022	14.850,000	14.850,000	-	13.643,370	13.643,370			13.643,370			
5	Đường giao thông từ bản Cang Kéo đi bản Pá Vai, xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh	2022-2024	1934, 10/10/2022	7.000,000	7.000,000	-	6.836,841	6.836,841	3,831		6.836,841	3,831		
6	Đường giao thông từ bản Nậm Lạnh đi bản Hua Lạnh, xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh	2022-2024	2024, 31/10/2022	14.850,000	14.850,000	-	14.253,630	14.253,630			14.253,630			
7	Đường giao thông từ bản Púng Bính đến bản Sam Kha	Xã Sam Kha	2022-2024	1989, 22/10/2022	14.103,622	14.103,622	-	13.776,257	13.776,257			13.776,257			
8	Cầu qua suối bản Cang, xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh	2022-2024	1953, 14/10/2022	3.000,000	3.000,000	-	2.838,491	2.838,491			2.838,491			
9	Nhà văn hóa xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2022-2024	1958, 17/10/2022	2.367,745	2.367,745	-	2.270,327	2.270,327			2.270,327			
10	Nhà văn hóa bản Lầu, xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2022-2024	1984, 21/10/2022	1.773,647	1.773,647	-	1.610,725	1.610,725			1.610,725			
11	Nhà văn hóa bản Khá Nghịu, xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2022-2024	1964, 18/10/2022	1.784,261	1.784,261	-	1.533,752	1.533,752			1.533,752			
12	Nhà văn hóa bản Hộc Một, xã Mường Và	Xã Mường Và	2022-2024	1983, 21/10/2022	1.589,122	1.589,122	-	1.456,845	1.456,845			1.456,845			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao	Đã giao kế hoạch hàng năm đến thời điểm báo cáo			Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn giao năm 2025 gồm:		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch vốn giao năm 2025		
						Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện			Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025		Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025	
13	Nhà văn hóa xã Mường Và	Xã Mường Và	2022-2024	1992, 23/10/2022	2.396,349	2.396,349	-	2.257,627	2.257,627			2.257,627			
14	Nhà văn hóa xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	2022-2024	2011, 28/10/2022	2.483,095	2.483,095	-	2.346,017	2.346,017			2.346,017			
15	Nhà văn hóa bản Púng, xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2022-2024	1985, 21/10/2022	1.559,548	1.559,548	-	1.506,347	1.506,347			1.506,347			
16	Nhà văn hóa bản Phá Thổng, xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2022-2024	1980, 20/10/2022	1.583,936	1.583,936	-	1.403,842	1.403,842			1.403,842			
17	Nhà văn hóa bản Huồi Cốp, xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2022-2024	1979, 20/10/2022	1.380,170	1.380,170	-	1.204,661	1.204,661			1.204,661			
18	Nhà văn hóa bản Púng Cườm, xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2022-2024	1981, 20/10/2022	1.090,204	1.090,204	-	1.025,560	1.025,560			1.025,560			
19	Nước sinh hoạt bản Liễn Ban, xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2022-2024	1939, 12/10/2022	1.580,202	1.580,202	-	1.439,973	1.439,973			1.439,973			
20	Công trình nước sạch bản Nà Cang, xã Mường Và	Xã Mường Và	2022-2024	1932, 07/10/2022	828,042	828,042	-	766,510	766,510			766,510			
21	Nước sinh hoạt bản Nậm Khún, xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	2022-2024	1942, 13/10/2022	1.211,443	1.211,443	-	1.177,850	1.177,850			1.177,850			
22	Các hạng mục phụ trợ của trụ sở UBND xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh	2022-2024	1970, 19/10/2022	1.685,851	1.685,851	-	1.646,940	1.646,940			1.646,940			
23	Trường Mầm non Hoa Đào Púng Bính	Xã Púng Bính	2022-2024	1996, 26/10/2022	2.331,603	2.331,603	-	2.127,180	2.127,180			2.127,180			
24	Trường PTDT bán trú TH và THCS Mường Lèo (điểm trường trung tâm)	Xã Mường Lèo	2022-2024	2116, 08/11/2022	14.949,990	14.949,990	-	14.531,493	14.531,493			14.531,493			
25	Trường PTDT bán trú TH Mường Lạn (giai đoạn 1)	Xã Mường Lạn	2022-2024	2015, 28/10/2022	12.984,741	12.984,741	-	12.631,110	12.631,110			12.631,110			
26	Trường THCS Púng Bính, xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2022-2024	2115, 08/11/2022	8.998,287	8.998,287	-	8.811,140	8.811,140			8.811,140			
27	Đầu tư điện nông thôn trên địa bàn huyện của chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	Các xã: Sam Kha, Púng Bính, Mường Và, Nậm Lạnh, Mường Lạn	2023-2025	783, 10/5/2023	12.925,294	12.925,294	-	12.061,675	12.061,675	104,606		12.061,675	104,606		
28	Đường giao thông tỉnh lộ 105 vào khu trung tâm tái định cư Pom Cọ, bản Liễn, xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2023-2025	242, 08/3/2023	4.000,000	4.000,000	-	3.171,951	3.171,951			3.171,951			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao	Đã giao kế hoạch hàng năm đến thời điểm báo cáo			Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn giao năm 2025 gồm:		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn giao năm 2025		
						Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện			Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025		Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025	
29	Thủy lợi bản Lùn, xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2023-2025	209, 03/3/2023	1.416,315	1.416,315	-	1.092,413	1.092,413			1.092,413			
30	Nhà văn hoá bản Lùn, xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp	Xã Púng Bính	2023-2025	193, 27/02/2023	1.499,311	1.499,311	-	1.437,300	1.437,300			1.437,300			
31	Nước sinh hoạt tập trung liên bản: bản Púng, bản Bính xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2023-2025	616, 13/4/2023	6.850,000	6.850,000	-	6.617,595	6.617,595	117,595		6.617,595	117,595		
32	Cầu qua suối từ đường giao thông Sốp Cộp Mường Lạn sang bản Hộc Một (bản Nà Một cũ), xã Mường Vả, huyện Sốp Cộp	Xã Mường Vả	2024-2025	2196, 16/12/2023	3.200,000	3.200,000	-	3.043,789	3.043,789	143,789		3.043,789	143,789		
33	Cầu qua suối bản Lạnh, xã Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp	Xã Nậm Lạnh	2024-2025	2197, 16/12/2023	3.000,000	3.000,000	-	2.885,318	2.885,318	85,318		2.885,318	85,318		
34	Cầu qua suối bản Huổi Ca - Huổi Dương, xã Mường Vả, huyện Sốp Cộp	Xã Mường Vả	2024-2025	757, 03/7/2024	3.000,000	3.000,000	-	2.510,683	2.510,683	392,068		2.510,683	392,068		
(2)	Dự án hoàn thành chưa quyết toán				14.499,999	14.499,999	-	14.292,650	14.292,650	795,977	-	14.292,650	795,977	-	
1	Trường PTDT bán trú TH và THCS Sam Kha (điểm trường trung tâm)	Xã Sam Kha	2022-2024	2117, 08/11/2022	14.499,999	14.499,999	-	14.292,650	14.292,650	795,977		14.292,650	795,977		
(3)	Dự án chuyển tiếp				10.778,396	10.778,396	-	7.239,000	7.239,000	748,558	-	7.239,000	748,558	-	
1	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường PTDTBT THCS Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2024-2025	282, 27/3/2024	10.778,396	10.778,396		7.239,000	7.239,000	748,558		7.239,000	748,558		
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				78,000	78,000	-	78,000	78,000	1,530	-	78,000	1,530	-	
a	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		2022		78,000	78,000		78,000	78,000	1,530		78,000	1,530		



**PHÂN BỐ VỐN BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 545/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 đã giao	Kế hoạch bổ sung năm 2025	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	TĐ: kế hoạch đã giao đến hết 01/12/2024			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
	TỔNG SỐ			101.524	98.823	98.823	43.600	34.106	22.753	
I	Phân bổ chi tiết								21.117	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			90.024	87.323	87.323	43.600	24.564	19.159	
a	Tiểu dự án 2. Đề án hỗ trợ 1 số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn			90.024	87.323	87.323	43.600	24.564	19.159	
	Đường liên xã Long Hẹ - Phông Lập	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	99 18/01/2024	90.024	87.323	87.323	43.600	24.564,0	19.159	
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			11.500	11.500	11.500	0	9.542	1.958	
a	Tiểu dự án 1			11.500	11.500	11.500	0	9.542	1.958	
	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	2476- 21/11/2024	11.500	11.500	11.500		9.542	1.958	
II	Phân bổ chi tiết sau								1.636	

8